

1. Tổng quan về doanh nghiệp.

Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Hà, địa chỉ tại 25 Trương Định, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh bánh kẹo và vật tư ngành bánh kẹo. Doanh nghiệp tuân thủ Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam, áp dụng nguyên tắc giá gốc, phương pháp FIFO cho hàng tồn kho, khấu hao đường thẳng và số dư giảm dần có điều chỉnh cho TSCĐ.

Kiểm tra tính chính xác của các thông tin trong báo cáo tài chính Bảng cân đối kế toán

• Thiếu:

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (mục 2 trong hướng dẫn).
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (mục 8 trong hướng dẫn).
- Các khoản dự phòng (mục 15 trong hướng dẫn).
- Phần sở hữu của cổ đông thiểu số (mục 16 trong hướng dẫn).
- Các khoản dự trữ (mục 18 trong hướng dẫn).

• Bất thường:

- Mục "Tài sản Thiếu chờ xử lý" (mã 139) có thể cần xem xét lại tính phù hợp, thường thì mục này sẽ được xử lý nhanh chóng chứ không tồn tại lâu dài.
- Không có "Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi" (mã 219) trong khi có "Phải thu dài hạn khác".
- Không có "Tài sản cố định thuê tài chính" (mã 224).
- "Quỹ khen thưởng phúc lợi" (mã 322) được xếp vào Nợ ngắn hạn, cần xem xét lại bản chất để phân loại chính xác.
- Không có "Phải trả người bán dài hạn" (mã 331) trong khi có "Phải trả dài hạn khác".
- Không có "Dự phòng phải trả dài hạn" (mã 342).
- Thiếu thông tin chi tiết về "Vốn góp của chủ sở hữu" (mã 411), chỉ có thông tin về "Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết".
- Thiếu "Cổ phiếu ưu đãi" (nếu có).

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

• Thiếu:

- Phần sở hữu trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết và liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (mục 12 trong hướng dẫn).
- Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong lãi hoặc lỗ sau thuế (mục 16 trong hướng dẫn).
- Lợi nhuận thuần trong kỳ (mục 17 trong hướng dẫn).

• **Bất thường:**

- Không có "Chi phí thuế TNDN hoãn lại" (mã 52).
- Không có thông tin về "Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ" (mã 61) và "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát" (mã 62).
- Thiếu "Lãi suy giảm trên cổ phiếu" (mã 71).

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Báo cáo này tuân theo MẪU 2 (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP).

2. Phân tích bảng cân đối kế toán

Phần Nguồn Vốn:

- **Cơ cấu nguồn vốn:** Nợ phải trả chiếm tỷ trọng nhỏ hơn so với vốn chủ sở hữu. Nợ phải trả là 211.3 tỷ đồng trong khi vốn chủ sở hữu là 636.5 tỷ đồng vào ngày 30/09/2025.
- **Nợ phải trả:** Chủ yếu là nợ ngắn hạn (209.4 tỷ đồng), nợ dài hạn rất ít (1.88 tỷ đồng).
- **So sánh:**

- Tổng nợ phải trả giảm từ 301.1 tỷ đồng (01/01/2025) xuống 211.3 tỷ đồng (30/09/2025).
- Vốn chủ sở hữu giảm nhẹ từ 641.2 tỷ đồng xuống 636.5 tỷ đồng.
- Nợ vay ngắn hạn giảm đáng kể từ 175.2 tỷ đồng xuống 94.9 tỷ đồng.
- **Vốn chủ sở hữu:**
- Vốn góp của chủ sở hữu không đổi (164.25 tỷ đồng).
- Quỹ đầu tư phát triển tăng từ 392.7 tỷ đồng lên 413.1 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm từ 47 tỷ đồng xuống còn 21.9 tỷ đồng.

Phần Tài Sản:

- **Tổng tài sản:** Giảm từ 942.3 tỷ đồng (01/01/2025) xuống 847.8 tỷ đồng (30/09/2025).
- **Cơ cấu tài sản:**
 - Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn hơn tài sản dài hạn.
 - Các khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tài sản ngắn hạn, nhưng đã giảm đáng kể so với đầu năm.
- **So sánh:**
 - Tiền và các khoản tương đương tiền giảm mạnh từ 64.8 tỷ đồng xuống 17.2 tỷ đồng.
 - Các khoản phải thu ngắn hạn giảm từ 573.9 tỷ đồng xuống 372.3 tỷ đồng.

- Hàng tồn kho tăng nhẹ từ 59.5 tỷ đồng lên 65.2 tỷ đồng.
- Các khoản phải thu dài hạn tăng mạnh từ 62.4 tỷ đồng lên 211.3 tỷ đồng.
- Tài sản cố định giảm nhẹ từ 137.9 tỷ đồng xuống 126.3 tỷ đồng.

Đánh giá:

- Công ty có sự thay đổi đáng kể trong cơ cấu tài sản và nguồn vốn.
- Giảm nợ vay ngắn hạn là một dấu hiệu tích cực.
- Tuy nhiên, tiền mặt giảm mạnh và các khoản phải thu ngắn hạn giảm có thể cần được xem xét kỹ hơn về khả năng thanh toán và quản lý dòng tiền.
- Sự gia tăng đáng kể của các khoản phải thu dài hạn cần được theo dõi sát sao để đảm bảo khả năng thu hồi.
- Cần chú ý đến các khoản phải thu của khách hàng (131) và phải trả cho người bán (331) để đánh giá khả năng thanh toán và quản lý công nợ.

3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý III năm 2025 của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà cho thấy:

- **Doanh thu:** Doanh thu thuần giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước, từ 160.1 tỷ đồng xuống 157.4 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, doanh thu thuần giảm từ 502.7 tỷ đồng xuống 438.6 tỷ đồng.
- **Lợi nhuận gộp:** Lợi nhuận gộp giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước, từ 38 tỷ đồng xuống 37.6 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, lợi nhuận gộp giảm từ 113.8 tỷ đồng xuống 97.6 tỷ đồng.
- **Doanh thu hoạt động tài chính:** Tăng so với cùng kỳ năm trước, từ 8.3 tỷ đồng lên 10.9 tỷ đồng. Tuy nhiên, lũy kế từ đầu năm giảm mạnh từ 80 tỷ đồng xuống 33.5 tỷ đồng, chủ yếu do biến động lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá.
- **Chi phí tài chính:** Giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước, từ 17 triệu đồng xuống gần 2 tỷ đồng. Tuy nhiên, lũy kế từ đầu năm chi phí tài chính giảm mạnh từ 53.1 tỷ đồng xuống 8 tỷ đồng.
- **Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:** Chi phí bán hàng tăng từ 19.9 tỷ đồng lên 23.5 tỷ đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng từ 8.8 tỷ đồng lên 11.4 tỷ đồng.
- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:** Giảm so với cùng kỳ năm trước, từ 17.7 tỷ đồng xuống 11.6 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, lợi nhuận thuần giảm từ 48.4 tỷ đồng xuống 24.3 tỷ đồng.
- **Lợi nhuận khác:** Lỗ từ hoạt động khác giảm so với cùng kỳ năm trước, từ 636.5 triệu đồng xuống 95 triệu đồng.

- **Lợi nhuận sau thuế:** Giảm so với cùng kỳ năm trước, từ 12.9 tỷ đồng xuống 9.4 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, lợi nhuận sau thuế giảm từ 37 tỷ đồng xuống 19.2 tỷ đồng.
- **Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:** Tổng chi phí giảm so với cùng kỳ năm trước, từ 157.6 tỷ đồng xuống 154.6 tỷ đồng, chủ yếu do giảm chi phí nguyên vật liệu.

Nhận xét:

- Doanh thu và lợi nhuận đều giảm so với cùng kỳ năm trước, cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty gặp khó khăn.
- Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng, ảnh hưởng đến lợi nhuận.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh lũy kế từ đầu năm, tác động tiêu cực đến lợi nhuận.
- Chi phí lãi vay giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Tóm tắt:

- **Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:** Năm nay đạt 7.97 tỷ đồng, trong khi năm trước âm 69.73 tỷ đồng. Sự thay đổi này chủ yếu do lợi nhuận trước thuế giảm mạnh từ 47.14 tỷ xuống 11.53 tỷ, cùng với sự biến động lớn trong các khoản phải trả (tăng mạnh so với năm trước).
- **Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:** Năm nay dương 24.67 tỷ đồng, so với năm trước dương 58.70 tỷ đồng. Sự thay đổi này chủ yếu do tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia giảm đáng kể so với năm trước.
- **Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:** Năm nay âm 80.34 tỷ đồng, trong khi năm trước dương 11.35 tỷ đồng. Nguyên nhân chính là do tăng chi trả nợ gốc vay so với năm trước.
- **Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ:** Âm 47.69 tỷ đồng, trong khi năm trước dương 317.59 triệu đồng.
- **Tiền và tương đương tiền cuối kỳ:** 17.22 tỷ đồng, tăng so với 12.28 tỷ đồng của năm trước.

5. Các chỉ số tài chính cơ bản.

Chỉ số	30/09/2025	01/01/2025
1. Chỉ số thanh khoản		
Thanh khoản hiện hành	(372,387,837,767 + 17,222,814,167 + 65,285,467,853 + 1,424,787,968) / 209,425,040,547 = 2.18	(573,981,539,486 + 64,834,713,056 + 59,597,174,248 + 332,406,676) / 299,191,735,549 = 2.33
Thanh khoản nhanh	(372,387,837,767 + 17,222,814,167 + 1,424,787,968) / 209,425,040,547 = 1.87	(573,981,539,486 + 64,834,713,056 + 332,406,676) / 299,191,735,549 = 2.13
Thanh khoản tức thời	17,222,814,167 / 209,425,040,547 = 0.08	64,834,713,056 / 299,191,735,549 = 0.22
2. Chỉ số đòn bẩy tài chính		
Hệ số nợ	211,308,353,412 / 847,874,958,977 = 0.25	301,100,448,414 / 942,348,593,039 = 0.32
Nợ trên vốn chủ	211,308,353,412 / 636,566,605,565 = 0.33	301,100,448,414 / 641,248,144,625 = 0.47
Khả năng thanh toán lãi vay	EBIT / 7,871,188,037 = Không tính được	EBIT / 32,225,178,306 = Không tính được
3. Chỉ số hiệu quả hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	341,051,470,625 / ((65,285,467,853 + 59,597,174,248)/2) = 5.46	Không tính được (Chỉ có số liệu đầu năm và cuối quý 3, không đủ dữ liệu để tính bình quân cho năm)

Chỉ số	30/09/2025	01/01/2025
Vòng quay khoản phải thu	438,609,729,738 / ((372,387,837,767 + 573,981,539,486)/2) = 0.92	Không tính được (Chỉ có số liệu đầu năm và cuối quý 3, không đủ dữ liệu để tính bình quân cho năm)
Vòng quay tổng tài sản	438,609,729,738 / ((847,874,958,977 + 942,348,593,039)/2) = 0.49	Không tính được (Chỉ có số liệu đầu năm và cuối quý 3, không đủ dữ liệu để tính bình quân cho năm)
4. Chỉ số lợi nhuận		
Biên lợi nhuận gộp	97,558,259,113 / 438,609,729,738 = 0.22	Không tính được (Chỉ có số liệu lũy kế đến cuối quý 3)
Biên lợi nhuận ròng	19,185,983,678 / 438,609,729,738 = 0.04	Không tính được (Chỉ có số liệu lũy kế đến cuối quý 3)
ROA (Hiệu quả tài sản)	19,185,983,678 / ((847,874,958,977 + 942,348,593,039)/2) = 0.02	Không tính được (Chỉ có số liệu lũy kế đến cuối quý 3)
ROE (Hiệu quả vốn chủ sở hữu)	19,185,983,678 / ((636,566,605,565 + 641,248,144,625)/2) = 0.03	Không tính được (Chỉ có số liệu lũy kế đến cuối quý 3)
5. Chỉ số định giá		
EPS	19,185,983,678 / 164,250,000,000 = 0.12	44,251,656,700 / 164,250,000,000 = 0.27
P/E	Không tính được	Không tính được
P/B	Không tính được	Không tính được
6. Các chỉ tiêu cơ bản khác		
Doanh thu thuần	438,609,729,738	502,655,845,524
Giá vốn	341,051,470,625	388,900,782,470
Lợi nhuận gộp	97,558,259,113	113,755,063,054

Chỉ số	30/09/2025	01/01/2025
Lợi nhuận trước thuế	23,799,712,504	47,137,257,032
Lợi nhuận sau thuế	19,185,983,678	36,967,383,518
7. Tăng trưởng		
Tăng trưởng Doanh thu thuần	(438,609,729,738 - 502,655,845,524) / 502,655,845,524 * 100 = -12.74%	
Tăng trưởng Giá vốn	(341,051,470,625 - 388,900,782,470) / 388,900,782,470 * 100 = -12.30%	
Tăng trưởng Lợi nhuận gộp	(97,558,259,113 - 113,755,063,054) / 113,755,063,054 * 100 = -14.24%	
Tăng trưởng Lợi nhuận trước thuế	(23,799,712,504 - 47,137,257,032) / 47,137,257,032 * 100 = -49.51%	
Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế	(19,185,983,678 - 36,967,383,518) / 36,967,383,518 * 100 = -48.09%	
8. Lưu chuyển tiền tệ		
CFO	7,975,656,437	(69,732,268,657)
FCFE	Không tính được	Không tính được

Giải thích:

- **EBIT (Lợi nhuận trước lãi vay và thuế):** Không tính được do không có thông tin chi tiết về các khoản mục doanh thu và chi phí khác ngoài các thông tin đã được cung cấp.
- **P/E (Hệ số giá trên lợi nhuận):** Không tính được vì không có thông tin về giá thị trường của cổ phiếu.

- **P/B (Hệ số giá trên giá trị sổ sách):** Không tính được vì không có thông tin về giá thị trường của cổ phiếu và giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS).
- **FCFE (Tỷ suất dòng tiền tự do):** Không tính được do không có thông tin chi tiết về dòng tiền đầu tư vào tài sản cố định.
- **Các chỉ số hiệu quả hoạt động (Vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay khoản phải thu, Vòng quay tổng tài sản):** Chỉ tính được cho năm 2025 vì không có số liệu hàng tồn kho, khoản phải thu, tổng tài sản bình quân của năm 2024.
- **Các chỉ số lợi nhuận (Biên lợi nhuận gộp, Biên lợi nhuận ròng, ROA, ROE):** Chỉ tính được cho năm 2025 vì không có số liệu lợi nhuận gộp, lợi nhuận ròng, tổng tài sản bình quân, vốn chủ sở hữu bình quân của năm 2024.

6. Phân tích các chỉ số cơ bản.

1. Phân tích cơ cấu nguồn vốn và cơ cấu tài sản:

- **Tỷ lệ vốn chủ sở hữu:** Giảm từ 68% xuống 75%, cho thấy doanh nghiệp ít phụ thuộc vào nợ vay hơn, sức khỏe tài chính được cải thiện.
- **Tỷ lệ đầu tư vào tài sản:** Không đủ dữ liệu để phân tích chi tiết sự thay đổi trong cơ cấu tài sản ngắn hạn và dài hạn.

2. Phân tích khả năng thanh toán:

- **Thanh khoản hiện hành:** Giảm từ 2.33 xuống 2.18, vẫn cho thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tốt.
- **Thanh khoản nhanh:** Giảm từ 2.13 xuống 1.87, cho thấy khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn giảm nhẹ.
- **Thanh khoản tức thời:** Giảm từ 0.22 xuống 0.08, cho thấy khả năng thanh toán ngay lập tức các khoản nợ ngắn hạn giảm đáng kể.
- **Khả năng thanh toán lãi vay:** Không tính được do thiếu dữ liệu EBIT.
- **Vòng quay khoản phải thu:** Giảm từ 0.92, cho thấy tốc độ thu hồi nợ từ khách hàng chậm hơn.
- **Vòng quay hàng tồn kho:** Tăng từ 5.46, cho thấy hàng tồn kho được bán nhanh hơn.

3. Phân tích dòng bẩy tài chính:

- **Hệ số nợ:** Giảm từ 0.32 xuống 0.25, cho thấy doanh nghiệp ít sử dụng nợ hơn.
- **Nợ trên vốn chủ:** Giảm từ 0.47 xuống 0.33, khẳng định xu hướng giảm sử dụng nợ.

4. Phân tích khả năng sinh lời:

- **Biên lợi nhuận gộp:** 0.22.
- **Biên lợi nhuận ròng:** 0.04.
- **ROA:** 0.02.
- **ROE:** 0.03.
- **EPS:** Giảm từ 0.27 xuống 0.12, cho thấy lợi nhuận trên mỗi cổ phần giảm.

5. Phân tích dòng tiền:

- **CFO:** Tăng từ âm (69,732,268,657) lên dương 7,975,656,437, cho thấy dòng tiền từ hoạt động kinh doanh được cải thiện.
- **FCFE:** Không tính được do thiếu dữ liệu.

6. Tăng trưởng:

- **Doanh thu thuần:** Giảm 12.74%.
- **Giá vốn:** Giảm 12.30%.
- **Lợi nhuận gộp:** Giảm 14.24%.
- **Lợi nhuận trước thuế:** Giảm 49.51%.
- **Lợi nhuận sau thuế:** Giảm 48.09%.

Nhận định chung:

Mặc dù doanh nghiệp có dấu hiệu cải thiện về cơ cấu vốn và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, nhưng khả năng sinh lời và tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận đều giảm đáng kể. Cần xem xét kỹ các yếu tố ảnh hưởng đến doanh thu và chi phí để có đánh giá đầy đủ hơn.